

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU T&AA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU T&AA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T&AA IMPORT-EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110765675

3. Ngày thành lập: 27/06/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3 Ngõ 362B Phố Nam Dư, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985288963

Fax:

Email: xnk.greenfood@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói thịt các loại (trừ hoạt động giết mổ).	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói các loại thủy hải sản.	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói các loại rau, củ, quả.	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói bánh các loại.	1071
9.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói các loại thức ăn sẵn, thức ăn nhanh.	1075
10.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
11.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
12.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
13.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu (Trừ kinh doanh dịch vụ in)	1709
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa – Môi giới mua bán hàng hóa.	4610

15.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng).	4620
16.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (Trừ xuất khẩu gạo)	4631
17.	Bán buôn thực phẩm (Việc kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương đảm bảo tuân thủ điều kiện quy định tại Điều 24, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định 77/2016/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 08/2018/NĐ-CP. Việc kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo tuân thủ điều kiện quy định tại Điều 19 Luật An toàn vệ sinh thực phẩm 2010). (Trừ kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh).	4632
18.	Bán buôn đồ uống (Việc bán buôn rượu đảm bảo tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 12 Nghị định 105/2017/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 17/2020/NĐ-CP).	4633
19.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (Việc bán buôn thuốc lá đảm bảo tuân thủ các điều kiện về cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 106/2017/NĐ-CP, Nghị định 08/2018/NĐ-CP, Nghị định 17/2020/NĐ-CP).	4634
20.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
21.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Bán buôn tổng hợp	4690

24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Việc kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương đảm bảo tuân thủ điều kiện quy định tại Điều 24, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định 77/2016/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 08/2018/NĐ-CP. Việc kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo tuân thủ điều kiện quy định tại Điều 19 Luật An toàn vệ sinh thực phẩm 2010). (Trừ kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh). (Việc bán lẻ rượu đảm bảo tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định 105/2017/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 17/2020/NĐ-CP. Việc bán lẻ thuốc lá đảm bảo tuân thủ các điều kiện về cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 106/2017/NĐ-CP, Nghị định 08/2018/NĐ-CP).	4711
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị các hàng hóa không thuộc danh mục cấm và hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 631, 632).	4719(Chính)
26.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
27.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Việc kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương đảm bảo tuân thủ điều kiện quy định tại Điều 24, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định 77/2016/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 08/2018/NĐ-CP. Việc kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo tuân thủ điều kiện quy định tại Điều 19 Luật An toàn vệ sinh thực phẩm 2010). (Trừ kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh).	4722
28.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Việc bán lẻ rượu đảm bảo tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định 105/2017/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 17/2020/NĐ-CP).	4723

29.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (Việc bán lẻ thuốc lá đảm bảo tuân thủ các điều kiện về cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 106/2017/NĐ-CP, Nghị định 08/2018/NĐ-CP).	4724
30.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
32.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
33.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
34.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
35.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách).	4762
36.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
37.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
38.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm (Trừ dược phẩm), dụng cụ y tế, vật phẩm vệ sinh.	4772
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ qua internet các hàng hóa không thuộc danh mục cấm và hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 631, 632). (Trừ đấu giá).	4791
40.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá).	4799
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ).	5210
42.	Bốc xếp hàng hóa	5224
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa, bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
45.	Chuyển phát	5320
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống, trong đó khách hàng được phục vụ hoặc tự chọn các mặt hàng được bày sẵn để ăn tại chỗ hoặc mang về.	5610
47.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5629
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
49.	Dịch vụ đóng gói	8292
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biên mẫu vật từ tự nhiên của các loài thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo của các loài thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm).	8299
51.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài).	9329
52.	Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG VĂN QUỲNH	S103 Vinhomes Smart City, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	0190830000 29	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
2	PHẠM TUẤN HIỆP	S25-09 The One KĐT Gamuda, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0040850005 83	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

3	DƯƠNG THÙY LINH	S25-09 The One KĐT Gamuda, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	50.000	500.000.000	50,000	0191850016 03
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	50,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG THÙY LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019185001603

Ngày cấp: 02/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: S25-09 The One KĐT Gamuda , Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: S25-09 The One KĐT Gamuda , Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội